

Số: 2199/2026/QĐST-VHNGĐ

Tp., ngày 15 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1619/2026/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “*Thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Lê Đăng K**, sinh ngày: 12/08/1984

Số CCCD: 079084031532, cấp ngày: 11/08/2024

Nơi cấp: **Cục C** về TTXH - **Bộ C1**

Địa chỉ: **C lô I Cư xá T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bà **Tô Quỳnh N**, sinh ngày: 13/04/1984

Số CCCD: 079184008373, cấp ngày: 21/03/2024,

Nơi cấp: **Cục C** về TTXH - **Bộ C1**

Địa chỉ: **1 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2012 tại **Ủy ban nhân dân Phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh**. Nay ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 người con.

2.1: Trẻ **Lê Mai K1**, sinh ngày 25/02/2013;

2.2: Trẻ **Lê Huy K2**, sinh ngày 19/7/2021.

Khi ly hôn ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** thỏa thuận ông **Lê Đăng K** tự nguyện giao trẻ **Lê Mai K1**, sinh ngày 25/02/2013 và trẻ **Lê Huy K2**, sinh ngày 19/7/2021 cho bà **Tô Quỳnh N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung lần lượt đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** thỏa thuận ông **Lê Đăng K** tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ **Lê Huy K2**, sinh ngày 19/7/2021 với mức cấp dưỡng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ tháng và trẻ **Lê Mai K1**, sinh ngày 25/02/2013 với mức cấp dưỡng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ tháng. Tổng cộng là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng/ tháng/ hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi hai con chung lần lượt đến đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Không có.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 05/6/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ký ngày 21/02/2012, tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** có 02 con chung.

+ Trẻ **Lê Mai K1**, sinh ngày 25/02/2013;

+ Trẻ **Lê Huy K2**, sinh ngày 19/7/2021.

Khi ly hôn bà **Tô Quỳnh N** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung lần lượt đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông **Lê Đăng K** cấp dưỡng nuôi trẻ **Lê Mai K1**, sinh ngày 25/02/2013, trẻ **Lê Huy K2**, sinh ngày 19/7/2021 với mức cấp dưỡng là 20.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng bắt đầu từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi hai con chung lần lượt đến đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông **Lê Đăng K** và bà **Tô Quỳnh N**, mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn)

đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019131 ngày 27/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông K và bà N đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. HCM;
- VKSND KV5 TP. HCM;
- Thi hành án Dân sự TP. HCM (Phòng THADS KV5 TP. HCM);
- UBND phường Bình Quới, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Cao Cường